

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:125/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân V;

2- Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2022/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bé Tuấn V** 26 tuổi

Địa chỉ: Thôn X- xã M- huyện L- Y, có mặt;

Bị đơn: Chị **Ma Thị Th** 25 tuổi

Địa chỉ: Thôn X- xã M- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 31-10-2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Bé Tuấn V trình bày: Anh và chị Ma Thị Th kết hôn tháng 01 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã M- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến hay xảy ra cãi vã... Hai người sống ly thân từ năm 2020 không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị giải quyết cho ly hôn. Thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là Bé Đức L sinh ngày 18-01-2017, ly hôn anh sẽ nuôi

con và yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Trong các lời khai bị đơn là chị Ma Thị Th trình bày cơ bản như lời khai của anh V. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, khi ly hôn chị nhất trí để anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bé Đức L; nhất trí cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng theo yêu cầu của anh V. Thời gian chung sống chị và anh V không có tài sản chung, không nợ của ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho anh V được ly hôn với chị Th; giao con chung cho anh Bé Tuấn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Ma Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bé Đức L. Anh V phải chịu án phí ly hôn; chị Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh Bé Tuấn V và chị Ma Thị Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã M- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Ma Thị Th có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bé Tuấn V và chị Ma Thị Th kết hôn năm 2017, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Theo lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng anh V- chị Th không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống

không hợp nhau; hai người đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù không thể tham gia phiên hoà giải nhưng trong lời khai chị Ma Thị Th cũng thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc và nhất trí ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa anh V- chị Th đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh V có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Bé Tuấn V và chị Ma Thị Th có một cháu là Bé Đức L sinh ngày 18-01-2017 hiện đang ở cùng bố. Khi ly hôn anh V nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, trong lời khai chị Ma Thị Th đồng ý để anh V trực tiếp nuôi con chung, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng theo yêu cầu của anh V. Quan điểm của chị Th là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh thực tế cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn; chị Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Bé Tuấn V được ly hôn với chị Ma Thị Th.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cháu Bé Đức L sinh ngày 18-01-2017 cho anh Bé Tuấn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Ma Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 1-2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Ma Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Anh Bế Tuấn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; xác nhận anh V đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002539 ngày 31-10-2022.

- Chị Ma Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Bế Tuấn V có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Ma Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã M- huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô